

Số: /TB-SNNMT

Sơn La, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

Công khai việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đối với mỏ than khu Tường Tiến – Tường Phong xã Tường Tiến, Tường Phong và Nà Lương 1, Nà Lương 2, xã Huy Tường, huyện Phù Yên

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-BTNMT ngày 05/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc khoan định khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ tại các xã Tường Phong, Tường Tiến và Huy Tường, huyện Phù Yên vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Sơn La;

Thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 4 Nghị định 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ. Sở Nông nghiệp và Môi trường công khai việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ than khu Tường Tiến – Tường Phong xã Tường Tiến, Tường Phong và Nà Lương 1, Nà Lương 2, xã Huy Tường, huyện Phù Yên, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản: Công ty TNHH khai thác chế biến Khoáng sản và Lâm sản Tây Bắc.

2. Tên loại khoáng sản: Than.

3. Vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản: Khu Tường Tiến – Tường Phong xã Tường Tiến, Tường Phong và Nà Lương 1, Nà Lương 2, xã Huy Tường, huyện Phù Yên (có tọa độ chi tiết tại phụ lục gửi kèm).

4. Thời gian tiếp nhận và thông báo về hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khác là 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đầu tiên (*ngày 6 tháng 6 năm 2025*).

Thông báo này được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu, Cổng thông tin điện tử Tỉnh Sơn La và Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (*b/c*);
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (*để đăng tải*);
- Báo đấu thầu - Bộ KHĐT (*để đăng tải*);
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh (*để đăng tải*);
- Trung tâm CNTT Tài nguyên và Môi trường (*để đăng tải*);
- Văn phòng Sở (*niêm yết tại trụ sở*);
- Lưu: VT, HSCP - Dững, 08 bản.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục:
VỊ TRÍ, TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH MỎ THAN KHU TƯỜNG TIỀN – TƯỜNG PHONG XÃ TƯỜNG TIỀN, TƯỜNG PHONG VÀ NÀ LƯƠNG 1, NÀ LƯƠNG 2, XÃ HUY TƯỜNG HUYỆN PHÙ YÊN
(Kèm theo Thông báo số /TB-SNNMT ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La)

Tên mỏ	Địa điểm	Tọa độ hệ VN 2000, Kinh tuyến trục 104 ⁰ 00’; múi chiếu 3 ^o		Diện tích (ha)	Ghi chú
		X (m)	Y (m)		
Mỏ than khu Tường Tiền – Tường Phong xã Tường Tiền, Tường Phong và Nà Lương 1, Nà Lương 2, xã Huy Tường, huyện Phù Yên	Khu Tường Tiền, Tường Phong (DT.1)	2.345.463	573.238	84,58	Được quy hoạch trong Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023
		2.345.498	574.837		
		2.345.220	575.201		
		2.345.045	575.124		
		2.345.166	574.641		
		2.345.047	574.628		
		2.344.913	574.110		
		2.345.112	573.802		
		2.345.045	573.579		
		2.345.100	573.181		
		2.345.274	573.022		
	Khu Nà Lương 1 (DT2)	2.344.569	569.391	40,91	
		2.344.581	571.109		
		2.344.364	571.109		
		2.344.370	570.726		
		2.344.313	569.961		
		2.344.308	569.394		

		2.343.647	569.807		
		2.343.645	570.216		
		2.343.950	570.355		
		2.344.188	570.709		
		2.344.014	571.029		
		2.343.741	571.028		
		2.343.683	572.235		
	Khu Nà Lương 2 (DT3)	2.343.550	572.232	62,89	
		2.343.634	571.234		
		2.343.504	571.245		
		2.343.488	571.050		
		2.343.689	570.727		
		2.343.840	570.469		
		2.343.505	570.384		
		2.343.322	570.159		
		2.343.326	569.811		